

VOU シリーズ (オーバル&ユニバーサル)

特徴

- ✓ 平面または曲面の長尺ワーク搬送
- ✓ 小物ワークに高い吸着力
- ✓ 導電性シリコンは PCB ボード、電子部品の搬送に最適



適用分野

- 半導体チップ (PCB ボード)、電子部品、パイプ
- 小型ガラス容器 (ex. アンブル)



品番表示

VOU 15X45 - N F 18F - L 1820TN

① パッド径 Ø (mm) ② 材質 ④ ネジ径 ⑤ レベルスプリング (アクセサリ)

① パッド径 Ø (mm)

VOU 4 X 10
VOU 4 X 20
VOU 6 X 10
VOU 6 X 20
VOU 8 X 20
VOU 8 X 30
VOU 10 X 30
• VOU 15 X 45
VOU 20 X 60

② 材質

• N - NBR
S - シリコン
WS - 白シリコン
HS - 耐熱シリコン

③ フィルタ

無記号 - 基本形
• F* - メッシュフィルタ付

* VOU 15 X 45、VOU 20 X 60 のみ適用

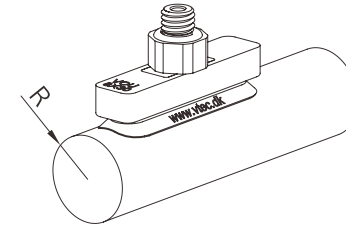
④ ネジ径

M5M - M5 X 0.8 オネジ	VOU 4X10、4X20、6X10、6X20
M5F - M5 X 0.8 メネジ	8X20、8X30、10X30
M6M - M6 X 1.8 オネジ	
18M - G1/8" オネジ	VOU 15X45、20X60
• 18F - G1/8" メネジ	

⑤ レベルスプリング (アクセサリ)

L507TN - VOU 4X10、4X20、6X10、6X20、8X20、8X30、10X30
• L1820TN - VOU 15x45、20x60
L1850TN - VOU 15X45、20X60

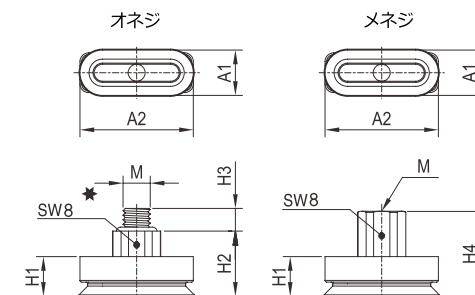
最大搬送力



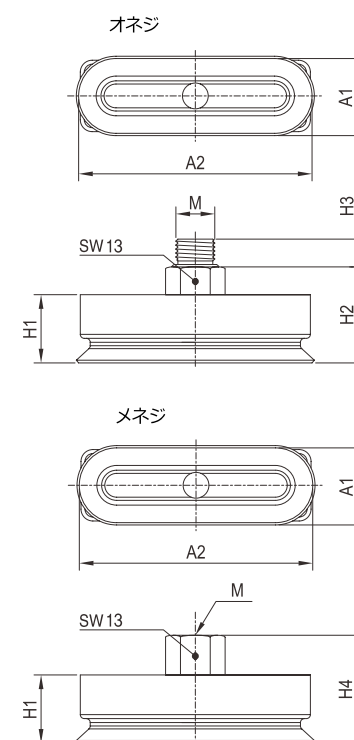
品番	垂直搬送力 (kg)	パッド容積 (cm³)	最小曲率半径 R (mm)	重量 ÷ (kg)
VOU 4X10 - ...	0.205	0.064	3.5	0.00031
VOU 4X20 - ...	0.347	0.094	3.5	0.00036
VOU 6X10 - ...	0.256	0.081	4.5	0.00031
VOU 6X20 - ...	0.603	0.137	4.5	0.00037
VOU 8X20 - ...	0.818	0.17	6.5	0.00037
VOU 8X30 - ...	1.053	0.25	6.5	0.00043
VOU 10X30 - ...	1.554	0.394	8	0.00047
VOU 15X45 - ...	3.271	1.584	11	0.022
VOU 20X60 - ...	6.352	3.532	17	0.031

寸法

▼ VOU 4X10 ~ 8X30



▼ VOU 15X45, 20X60



品番	A1	A2	H1	H2	H3	H4	M
VOU 4 x 10..M5M	4	10	7	11.5	4	-	M5 x 0.8
VOU 4 x 10..M5F				-	-	15	M5 x 0.8
VOU 4 x 10..M6M				11	4.5	-	M6 x 1.0
VOU 4 x 20..M5M	4	20	7	11.5	4	-	M5 x 0.8
VOU 4 x 20..M5F				-	-	15	M5 x 0.8
VOU 4 x 20..M6M				11	4.5	-	M6 x 1.0
VOU 6 x 10..M5M	6	10	7	11.5	4	-	M5 x 0.8
VOU 6 x 10..M5F				-	-	15	M5 x 0.8
VOU 6 x 10..M6M				11	4.5	-	M6 x 1.0
VOU 6 x 20..M5M	6	20	7	11.5	4	-	M5 x 0.8
VOU 6 x 20..M5M				-	-	15	M5 x 0.8
VOU 6 x 20..M6M				11	4.5	-	M6 x 1.0
VOU 8 x 20..M5M	8	20	7	11.5	4	-	M5 x 0.8
VOU 8 x 20..M5F				-	-	15	M5 x 0.8
VOU 8 x 20..M6M				11	4.5	-	M6 x 1.0
VOU 8 x 30..M5M	8	30	7	11.5	4	-	M5 x 0.8
VOU 8 x 30..M5F				-	-	16.2	M5 x 0.8
VOU 8 x 30..M6M				11	4.5	-	M6 x 1.0
VOU 10 x 30..M5M	10	3	8.2	12.7	4	-	M5 x 0.8
VOU 10 x 30..M5F				-	-	16.2	M5 x 0.8
VOU 10 x 30..M6M				12.2	4.5	-	M6 x 1.0
VOU 15 x 45..18M	15	45	15.5	23	7	-	G1/8"
VOU 15 x 45..18F				-	-	25.5	G1/8"
VOU 20 x 60..18M	20	60	17.5	25	7	-	G1/8"
VOU 20 x 60..18F				-	-	27.5	G1/8"

[単位 : mm]